

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HB
TỈNH BẠC LIÊU**
Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2021
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HB, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Phước

2. Ông Huỳnh Tài Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết, Thư ký Tòa án nhân dân huyện HB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Quách Thanh T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp VL, xã VT, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu;

+ Bị đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp VL, xã VT, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu;

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Quách Thanh T trình bày: Vợ chồng anh chung sống, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau thời gian chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng. Vợ chồng chị không còn chung sống với nhau 10 năm. Tuy nhiên, cả hai vẫn giữ liên lạc vì còn chăm sóc con chung. Nay cảm thấy không thể kéo dài quan hệ hôn nhân và mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị B. Về con chung, vợ chồng anh có 01 người con chung tên Quách Huỳnh G, sinh ngày 16/9/2006. Hiện nay cháu G đang sống cùng anh nên anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Chị Lê Thị B được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được thông đạt hợp lệ các quyết định nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 BLTTDS đủ điều kiện xét xử.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Không công nhận anh Quách Thanh T và chị Lê Thị B là vợ chồng; Giao cháu Quách Huỳnh G sinh ngày 16/9/2006 cho anh Quách Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Quách Thanh T và chị Lê Thị B đều có hộ khẩu thường trú tại ấp VL, xã VT, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HB. Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị B vắng mặt; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Quách Thanh T và chị Lê Thị B chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 9 và Điều 14 luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử không công nhận anh Quách Thanh T và chị Lê Thị B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Cháu Quách Huỳnh G thực tế là con chung của anh Quách Thanh T và chị Lê Thị B. Do anh T và chị B không còn chung sống cùng nhau và cháu G đang sống cùng anh T, chị B không có ý kiến gì về việc này. Mặc khác, cháu G có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh T. Đây là ý chí tự nguyện của cháu G và cũng phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Quách Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[7] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Quách Thanh T và chị Lê Thị B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Huỳnh G sinh ngày 16/9/2006 cho anh Quách Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Quách Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Anh T đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010356 ngày 20/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HB được chuyển thu án phí.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện HB;
- Cơ quan THA huyện HB;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm